

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt;
2. Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Võ Thanh Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Bích E, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số 697, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Lê Văn S, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích E trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích E và anh Lê Văn S kết hôn vào năm 2014, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B vào ngày 26/02/2015. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, sinh hoạt và công việc, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do anh S không xây dựng gia đình mà thường xuyên

uống rượu, nghe lời mẹ của anh S và những khi anh S không vừa ý việc gì đối với chị Bích E là nói chuyện lớn tiếng, vợ chồng cự cãi và có vài lần xảy ra tranh chấp, anh S đánh đập chị Bích E, chị Bích E có khuyên ngăn nhưng anh S vẫn không thay đổi, đỉnh điểm là lần chị Bích E gửi con chung cho anh S trông giữ để chị đi chơi tại Núi S, thành phố C, tỉnh An Giang thì anh S cho rằng chị Bích E bỏ con không chăm sóc, thời gian này là vào năm 2020 khi vợ chồng đang sống ly thân, trong lần mâu thuẫn này thì anh S quyết định không hàn gắn tình cảm và bắt con chung về nuôi, từ đó khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2020 đến nay, thời gian sống xa nhau vợ chồng không tìm cách hàn gắn tình cảm.

Nay chị Nguyễn Thị Bích E nhận thấy không còn tình cảm với anh S nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Trọng P, sinh ngày 05/7/2014. Hiện con chung đang sống chung với anh S. Sau khi ly hôn, chị Bích E đồng ý giao con chung Trọng P cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chị Bích E tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Trọng P cho đến khi thành niên và có khả năng lao động với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022.

Về tài sản chung: Chị Bích E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Bích E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh S không có văn bản ghi ý kiến về việc chị Bích E yêu cầu ly hôn, nuôi con, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích E đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn anh Lê Văn S chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt không có lý do tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích E đối với anh Lê Văn S.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Trọng P, sinh ngày 05/7/2014 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chị Bích E tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Trọng P cho đến khi thành niên và có khả năng lao động với mức cấp dưỡng là

1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích E và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Lê Văn S có địa chỉ tại xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích E và anh Lê Văn S là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 26/02/2015. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị Bích E kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh S vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, không hàn gắn lại được, anh S không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Bích E và anh S có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nguyên nhân là do vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, anh S không chăm lo xây dựng gia đình mà thường xuyên uống rượu, nghe lời mẹ của anh S và những khi anh S không vừa ý việc gì đối với chị Bích E là nói chuyện lớn tiếng, vợ chồng cự cãi và có vài lần xảy ra tranh chấp, anh S đánh đập chị Bích E, chị Bích E có khuyên ngăn nhưng anh S vẫn không thay đổi, từ đó khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã sống xa nhau thời gian dài nhưng cả hai không hàn gắn tình cảm được, vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bích E là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Bích E và anh S có một con chung tên Lê Trọng P, sinh ngày 05/7/2014. Hiện nay, con chung đang sống với anh S. Chị Bích E đồng ý giao con chung cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, anh S không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trọng P sống với anh S đã ổn định, phát triển tốt về mọi mặt, thuận lợi cho việc học tập và điều này phù hợp với nguyện vọng của

cháu tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2022. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận anh S được trực tiếp nuôi con chung Trọng P là phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Bích E tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Trọng P cho đến khi thành niên và có khả năng lao động với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị Bích E.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Bích E không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Bích E không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Bích E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích E.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Bích E được ly hôn với anh Lê Văn S.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Lê Trọng P, sinh ngày 05/7/2014 cho anh Lê Văn S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Bích E, chị Bích E thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Trọng P cho đến khi thành niên và có khả năng lao động với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022.

Chị Bích E và anh S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng là

300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001297 ngày 16/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị Bích E phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, huyện B, Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Xuân Nữ